



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản
Minh Phú và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2013



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận	6103000072	ngày 12 tháng 5 năm 2006
Đăng ký Kinh doanh	6103000072 (điều chỉnh lần 1)	ngày 25 tháng 5 năm 2007
	6103000072 (điều chỉnh lần 2)	ngày 12 tháng 11 năm 2007
	2000393273	ngày 23 tháng 6 năm 2010

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty và các lần điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Lê Văn Quang Bà Chu Thị Bình Ông Chu Văn An Bà Đinh Ánh Tuyết Ông Jean-Eric Jacquemin	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên
--------------------------	---	--

Ban Tổng Giám đốc	Ông Lê Văn Quang Bà Chu Thị Bình Ông Chu Văn An Ông Thái Hoàng Hùng Ông Nguyễn Tấn Anh Ông Lê Văn Điệp Ông Bùi Anh Dũng Ông Lê Ngọc Anh	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
--------------------------	--	--

Ban kiểm soát	Ông Phan Văn Dũng Ông Nguyễn Xuân Toán Bà Mai Thị Hoàng Minh	Trưởng ban Thành viên Thành viên
----------------------	--	--

Trụ sở đăng ký	Khu Công nghiệp Phường 8 Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau Việt Nam
-----------------------	---

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất trình bày từ trang 5 đến trang 65 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

Thành phố Cà Mau, ngày 7 tháng 3 năm 2014



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Nhà đầu tư Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 7 tháng 3 năm 2014, được trình bày từ trang 5 đến trang 65.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

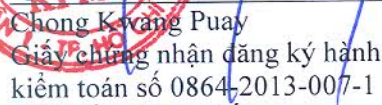
Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo kiểm toán số: 13-01-120




Chong Kwang Puay
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0864-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 3 năm 2014



Nguyễn Thanh Nghị
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2013-007-1

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		5.871.492.742.171	4.388.614.632.763
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	2.000.246.094.247	1.298.619.003.857
Tiền	111		58.852.319.487	31.485.118.507
Các khoản tương đương tiền	112		1.941.393.774.760	1.267.133.885.350
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	150.798.172.049	128.384.747.714
Đầu tư tài chính ngắn hạn	121		159.502.772.049	138.167.027.714
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(8.704.600.000)	(9.782.280.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	7	989.180.822.486	577.285.119.435
Phải thu khách hàng	131		918.956.697.117	534.722.242.679
Trả trước cho người bán	132		33.241.562.032	23.369.903.794
Các khoản phải thu khác	135		41.892.458.223	28.275.058.286
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(4.909.894.886)	(9.082.085.324)
Hàng tồn kho	140	8	2.464.315.121.644	2.228.389.598.540
Hàng tồn kho	141		2.491.281.852.992	2.301.566.070.320
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(26.966.731.348)	(73.176.471.780)
Tài sản ngắn hạn khác	150		266.952.531.745	155.936.163.217
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.059.123.928	1.495.455.602
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		206.639.654.930	92.657.134.536
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	154	9	4.372.613.224	8.942.525.760
Tài sản ngắn hạn khác	158	10	54.881.139.663	52.841.047.319

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		1.766.050.328.721	1.881.317.171.189
Các khoản phải thu dài hạn	210	11	75.821.969.160	112.489.382.844
Tài sản cố định	220		1.558.974.233.263	1.645.650.809.029
Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.191.585.752.778	1.291.876.203.564
Nguyên giá	222		1.714.268.447.115	1.676.913.350.862
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(522.682.694.337)	(385.037.147.298)
Tài sản cố định vô hình	227	13	136.657.557.882	99.024.434.708
Nguyên giá	228		143.799.476.671	104.256.753.082
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.141.918.789)	(5.232.318.374)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	14	230.730.922.603	254.750.170.757
Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	9.180.000.000	9.068.753.530
Đầu tư vào công ty liên kết	252		2.180.000.000	2.180.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		7.000.000.000	7.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	(111.246.470)
Tài sản dài hạn khác	260		122.074.126.298	114.108.225.786
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	96.524.729.137	91.057.013.097
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	33	11.906.774.675	6.319.694.503
Lợi thế thương mại	269	17	13.642.622.486	16.731.518.186
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		7.637.543.070.892	6.269.931.803.952

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		5.616.869.798.116	4.889.148.610.669
Nợ ngắn hạn	310		5.591.441.153.241	4.056.858.838.496
Vay ngắn hạn	311	18	4.715.626.675.338	3.449.058.871.964
Phải trả người bán	312	19	532.434.499.874	135.868.027.758
Người mua trả tiền trước	313		16.797.187.237	8.525.302.719
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	20	16.889.617.525	18.446.907.372
Phải trả người lao động	315		108.358.151.736	38.688.257.921
Chi phí phải trả	316	21	103.767.152.783	105.484.633.458
Các khoản phải trả khác	319	22	22.991.839.708	211.370.253.272
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	23	74.576.029.040	89.416.584.032
Nợ dài hạn	330		25.428.644.875	832.289.772.173
Vay dài hạn	334	24	-	828.632.880.684
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	33	22.068.981.770	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	25	3.359.663.105	3.656.891.489
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.584.345.602.431	1.310.050.470.480
Vốn chủ sở hữu	410	26	1.584.345.602.431	1.310.050.470.480
Vốn cổ phần	411	27	700.000.000.000	700.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		177.876.869.236	177.876.869.236
Vốn khác	413		79.806.684.935	-
Cổ phiếu quỹ	414	27	(18.537.405.861)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		93.674.067.633	88.506.239.451
Quỹ đầu tư phát triển	417		32.423.167.608	58.470.998.521
Quỹ dự phòng tài chính	418		13.769.908.805	13.769.908.805
Lợi nhuận chưa phân phối	420		505.332.310.075	271.426.454.467
LỢI ÍCH CÔ ĐỒNG THIỂU SỐ	439	28	436.327.670.345	70.732.722.803
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		7.637.543.070.892	6.269.931.803.952

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

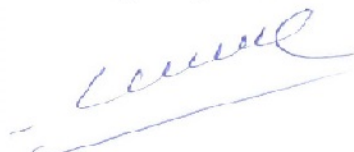
Mẫu B 01 – DN/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Thuyết minh	31/12/2013	31/12/2012
Ngoại tệ bao gồm trong tiền:			
USD		264.234	664.110
JPY		28.304.539	-

Ngày 7 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2013

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
Tổng doanh thu	01	29	11.206.430.460.422	7.965.666.905.962
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	(94.480.405.091)	(29.164.778.420)
Doanh thu thuần (10 = 01 + 02)	10	29	11.111.950.055.331	7.936.502.127.542
Giá vốn hàng bán	11	30	(9.955.628.683.286)	(7.050.386.436.392)
Lợi nhuận gộp (20 = 10 + 11)	20		1.156.321.372.045	886.115.691.150
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	113.758.468.639	62.860.638.501
Chi phí tài chính	22	32	(305.521.702.030)	(419.351.062.292)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>(249.916.093.514)</i>	<i>(412.791.349.076)</i>
Chi phí bán hàng	24		(478.047.143.198)	(403.716.071.737)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(110.604.902.548)	(89.631.724.753)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 24 + 25)	30		375.906.092.908	36.277.470.869
Thu nhập khác	31		6.074.024.049	3.937.090.474
Chi phí khác	32		(16.224.376.412)	(5.763.525.895)
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 + 32)	40		(10.150.352.363)	(1.826.435.421)
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		365.755.740.545	34.451.035.448
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	33	(55.439.349.822)	(9.301.474.368)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	33	(16.481.901.598)	(9.271.494.216)
Lợi nhuận thuần (60 = 50 + 51 + 52)	60		293.834.489.125	15.878.066.864

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

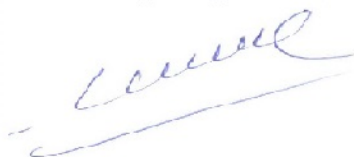
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận thuần (60 = 50 + 51 + 52)	60		293.834.489.125	15.878.066.864
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61	28	23.696.346.513	(961.777.658)
Chủ sở hữu của Công ty	62		270.138.142.612	16.839.844.522
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	3.882	241

Ngày 7 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		365.755.740.545	34.451.035.448
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		157.738.867.664	151.886.043.097
Các khoản dự phòng	03		(23.587.993.474)	12.265.076.498
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		(5.458.113.509)	(3.207.118.308)
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định	05		12.333.545.050	-
Thu nhập tiền lãi và cổ tức	05		(91.564.719.319)	(50.353.321.356)
(Lãi)/lỗi từ hoạt động đầu tư	05		(108.236.000)	3.758.527.264
Chi phí lãi vay	06		249.916.093.514	412.791.349.076
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		665.025.184.471	561.591.591.719
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(476.614.155.557)	(71.968.071.650)
Biến động hàng tồn kho	10		(209.197.233.446)	160.996.257.751
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		463.256.369.028	(209.668.096.453)
Biến động chi phí trả trước	12		9.810.344.892	16.710.816.154
			452.280.509.388	457.662.497.521
Tiền lãi vay đã trả	13		(266.510.226.233)	(412.872.391.686)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(51.919.229.520)	(6.551.600.129)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(41.209.237.064)	(46.740.849.401)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		92.641.816.571	(8.502.343.695)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(94.831.661.712)	(147.230.298.915)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	919.594.405
Tăng tiền gửi có kỳ hạn	23		(148.269.213.184)	(114.575.988.828)
Tiền gửi có kỳ hạn nhận được	24		130.330.000.000	66.170.267.484
Tiền thu hồi từ việc bán các công cụ vốn của các đơn vị khác	25		371.824.000	-
Tiền thu hồi đầu tư vào các đơn vị khác	26		-	144.235.294.118
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		82.192.249.076	52.356.193.433
Tiền thu từ ký quỹ dài hạn	28		-	4.556.157.655
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(30.206.801.820)	6.431.219.352
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền nhận góp vốn từ cổ đông thiểu số	31		384.898.795.830	-
Tiền mua lại cổ phiếu quỹ	32		(18.537.405.861)	-
Tiền vay nhận được	33		12.588.471.492.808	9.939.364.492.628
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(12.146.718.807.114)	(9.724.216.257.626)
Tiền trả cổ tức	35		(168.272.812.250)	(6.094.297.579)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		639.841.263.413	209.053.937.423
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		702.276.278.164	206.982.813.080
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		1.298.619.003.857	1.092.050.143.361
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		(649.187.774)	(413.952.584)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	2.000.246.094.247	1.298.619.003.857

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

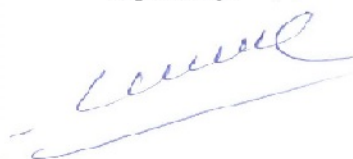
Mẫu B 03 – DN/HN

CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ PHI TIỀN TỆ

	2013 VND	2012 VND
Cán trừ thuế giá trị gia tăng được hoàn vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	806.998.977	-
Chuyển phải thu khác sang đầu tư ngắn hạn	3.807.117.411	-
Thu hồi khoản cho vay bằng nguyên liệu	439.768.200	-
Giá trị của chi phí trả trước dài hạn chưa thanh toán	-	4.794.769.163
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư chưa nhận được	-	5.786.178.618

Ngày 7 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Văn Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2000393273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 23 tháng 6 năm 2010. Hoạt động chính của Công ty là chế biến và kinh doanh hàng thủy sản; kinh doanh giống thủy sản và thức ăn thủy sản; và kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ cho ngành thủy sản.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Vào ngày 16 tháng 5 năm 2013, trong cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông, các cổ đông của Công ty quyết định về việc Công ty sẽ hủy bỏ niêm yết. Việc hủy niêm yết này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt chính thức của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

Chi tiết các công ty con như sau:

Tên	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận đầu tư	% quyền sở hữu	
			31/12/2013	31/12/2012
Công ty Cổ phần Mseafood	Kinh doanh các sản phẩm thủy sản.	2370515 do Bang California, Hoa Kỳ cấp ngày 27 tháng 12 năm 2001.	90,0%	90,0%
Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang (*)	Chế biến và kinh doanh bột cá, các sản phẩm thủy sản, dầu cá sinh học; kinh doanh hàng hóa, nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản; đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng; xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng.	642041000003 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Hậu Giang cấp ngày 18 tháng 11 năm 2013	67,5%	97,5%
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý	Chế biến và kinh doanh các sản phẩm thủy sản, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	6102000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 19 tháng 9 năm 2000.	97,5%	97,5%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Tên	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận đầu tư	% quyền sở hữu	
			31/12/2013	31/12/2012
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát	Chế biến và kinh doanh các sản phẩm thủy sản, nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	6102000035 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 30 tháng 10 năm 2001.	95,0%	95,0%
Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	Nuôi trồng thủy sản; chế biến, bảo quản các sản phẩm thủy sản; sản xuất giống thủy sản; kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	56-02-000417 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 16 tháng 1 năm 2006.	99,1%	99,1%
Công ty TNHH Sản xuất giống thủy sản Minh Phú	Sản xuất, cung cấp và kinh doanh giống thủy sản; chế biến, bảo quản các sản phẩm thủy sản; kinh doanh thực phẩm và nguyên vật liệu phục vụ ngành chăn nuôi gia súc, gia cầm và nuôi trồng thủy sản.	4302000139 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 9 tháng 2 năm 2006.	98,5%	98,5%
Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú – Lộc An	Nuôi trồng thủy sản; sản xuất và kinh doanh thực phẩm thủy sản, kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	2000393273 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp ngày 11 tháng 11 năm 2010.	100%	100%
Công ty TNHH MTV Sản xuất chế phẩm Sinh học Minh Phú	Sản xuất các sản phẩm sinh học và phân bón phục vụ ngành nông nghiệp.	6104000049 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 8 tháng 7 năm 2008.	100%	100%
Công ty TNHH MTV nuôi tôm sinh thái Minh Phú (**)	Nuôi trồng và chế biến các sản phẩm thủy sản; sản xuất và kinh doanh giống thủy sản, thực phẩm thủy sản; kinh doanh máy móc và thiết bị phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản.	2000971566 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp ngày 26 tháng 5 năm 2010.	-	100%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Tên	Hoạt động chính	Giấy Chứng nhận đầu tư	% quyền sở hữu	
			31/12/2013	31/12/2012
Công ty TNHH MTV nuôi trồng thủy sản Minh Phú Hòa Điền	Sản xuất giống thủy sản; nuôi trồng, chế biến và bảo quản thủy hải sản; sản xuất và kinh doanh thức ăn thủy sản, mua bán máy móc và thiết bị nông nghiệp; mua bán thức ăn và nguyên liệu gia súc, gia cầm và thủy sản.	1701635962 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp ngày 22 tháng 12 năm 2011.	100%	100%

(*) Theo Giấy chứng nhận đầu tư mới nhất số 642041000003 do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Hậu Giang cấp ngày 18 tháng 11 năm 2013, Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phú - Hậu Giang đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang và tăng vốn cổ phần từ 600 tỷ VND lên 867 tỷ VND. Cổ phiếu mới phát hành được mua bởi cổ đông nước ngoài. Do đó, phần trăm sở hữu của Công ty đối với Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang bị giảm xuống tương ứng.

(**) Trong cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông vào ngày 16 tháng 5 năm 2013, các cổ đông của Công ty đã quyết định giải thể Công ty TNHH một thành viên nuôi tôm sinh thái Minh Phú. Vào ngày 18 tháng 9 năm 2013, thủ tục giải thể đã được hoàn tất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn có 11.261 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 10.421 nhân viên).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Các công ty con

Công ty con là các đơn vị do Tập đoàn kiểm soát. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(iii) Lợi ích cổ đông thiểu số

Đối với những thay đổi về quyền sở hữu của Tập đoàn trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát, thì phần chênh lệch giữa giá mua hoặc tiền thu được do chuyển nhượng cổ phần và tỉ lệ giá trị ghi sổ của tài sản thuần mua được hoặc chuyển nhượng tại ngày giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(v) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phản ánh giá trị đầu tư vượt quá giá trị của tài sản thuần thuộc phần của Tập đoàn trên tổng tài sản của các công ty con và các công ty liên kết tại thời điểm mua, trong một giao dịch mua bên thứ ba. Lợi thế thương mại được phân bổ trong 10 năm.

Nếu giá trị thực tế tài sản thuần Tập đoàn mua của các công ty con và các công ty liên kết vượt quá giá mua, thì phần vượt trội này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc bằng các đơn vị tiền khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái qui định của ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái liên quan đến hoạt động xây dựng tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của đơn vị, thì được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi đơn vị bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng. Khi đơn vị bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào tài khoản doanh thu chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào tài khoản trả trước dài hạn. Các khoản lãi và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(ii) Đơn vị hoạt động ở nước ngoài

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả của đơn vị hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập và chi phí của đơn vị hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái qui định của ngày giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do quy đổi tiền tệ được ghi nhận trực tiếp vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu. Khi khoản đầu tư vào đơn vị hoạt động ở nước ngoài được thanh lý một phần hoặc toàn bộ, số dư có liên quan đến chênh lệch tỷ giá hối đoái do quy đổi tiền tệ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư có kỳ hạn và các công cụ nợ; các khoản đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị mà Tập đoàn không có quyền kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng trọng yếu; và các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 39 năm
▪ máy móc và thiết bị	4 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 15 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(iii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 đến 10 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phân ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 6 đến 20 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(iii) Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của công ty con, thì được ghi nhận vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng. Khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này được đưa vào sử dụng, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái có liên quan được kết chuyển vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(iv) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(m) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Tập đoàn và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Tập đoàn có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được lập bằng cách trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn. Quỹ này được dùng cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển tương đồng.

(p) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(q) Thu nhập lãi tiền gửi

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ thời gian tương ứng dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(s) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay trong giai đoạn xây dựng sẽ được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản liên quan.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm tàng.

(u) Báo cáo bộ phận

Bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là báo cáo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Nuôi trồng sản phẩm thủy sản
- Chế biến sản phẩm thủy sản
- Kinh doanh sản phẩm thủy sản
- Khác

<i>Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	-	6.821.749.046.188	4.278.675.726.356	11.525.282.787	-	11.111.950.055.331
Doanh thu giữa các bộ phận	115.092.906.728	7.964.742.026.348	87.366.528.872	22.298.633.116	(8.189.500.095.064)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	115.092.906.728	14.786.491.072.536	4.366.042.255.228	33.823.915.903	(8.189.500.095.064)	11.111.950.055.331
Kết quả kinh doanh của bộ phận	(78.524.567.996)	606.321.641.082	52.651.512.451	(6.372.538.040)	(6.406.721.198)	567.669.326.299
Doanh thu hoạt động tài chính						113.758.468.639
Chi phí tài chính						(305.521.702.030)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						375.906.092.908
Thu nhập khác						6.074.024.049
Chi phí khác						(16.224.376.412)
Thuế thu nhập doanh nghiệp						(71.921.251.420)
Lợi nhuận thuần						293.834.489.125

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

<i>Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	345.225.300	5.157.878.098.880	2.763.024.739.644	15.254.063.718	-	7.936.502.127.542
Doanh thu giữa các bộ phận	53.308.315.942	2.585.613.978.695	60.924.276.305	44.167.359.071	(2.744.013.930.013)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	53.653.541.242	7.743.492.077.575	2.823.949.015.949	59.421.422.789	(2.744.013.930.013)	7.936.502.127.542
Kết quả kinh doanh của bộ phận	(92.299.594.826)	416.410.713.937	15.045.342.692	5.145.389.452	48.466.043.405	392.767.894.660
Doanh thu hoạt động tài chính						62.860.638.501
Chi phí tài chính						(419.351.062.292)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						36.277.470.869
Thu nhập khác						3.937.090.474
Chi phí khác						(5.763.525.895)
Thuế thu nhập doanh nghiệp						(18.572.968.584)
Lợi nhuận thuần						15.878.066.864

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận Đầu tư vào công ty liên kết Tài sản không phân bổ	305.385.998.331	5.025.933.609.176	1.299.019.150.537	38.892.383.474	(1.174.592.415.002)	5.494.638.726.516 2.180.000.000 2.140.724.344.376
Tổng tài sản						7.637.543.070.892
Nợ phải trả của bộ phận Nợ phải trả không phân bổ	118.361.349.856	5.580.869.123.408	1.032.226.391.633	3.835.005.123	(1.140.491.053.674)	5.594.800.816.346 22.068.981.770
Tổng nợ phải trả						5.616.869.798.116
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013						
Mua sắm tài sản dài hạn Khấu hao và phân bổ	16.209.833.965 24.443.099.988	77.386.537.705 125.834.415.635	- 317.807.990	1.235.290.042 4.054.648.351	- 3.088.895.700	94.831.661.712 157.738.867.664

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

<i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</i>	Nuôi trồng sản phẩm thủy sản VND	Chế biến sản phẩm thủy sản VND	Kinh doanh sản phẩm thủy sản VND	Khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận Đầu tư vào công ty liên kết Tài sản không phân bổ	360.502.063.988	4.040.775.106.219	1.419.765.335.805	46.165.625.227	(999.079.901.596)	4.868.128.229.643 2.180.000.000 1.399.623.574.309
Tổng tài sản						6.269.931.803.952
Nợ phải trả của bộ phận Nợ phải trả không phân bổ	109.847.125.596	4.214.227.702.558	831.488.418.343	4.706.447.933	(987.715.216.480)	4.172.554.477.950 716.594.132.719
Tổng nợ phải trả						4.889.148.610.669
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012						
Mua sắm tài sản dài hạn Khấu hao và phân bổ	34.392.454.878 22.647.727.312	107.053.797.479 125.554.320.898	- 314.815.220	5.784.046.558 3.369.179.667	- -	147.230.298.915 151.886.043.097

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

(i) Doanh thu bộ phận

	Doanh thu bán ra bên ngoài	
	2013 VND	2012 VND
Việt Nam	50.060.966.225	53.004.428.258
Bắc Mỹ	5.041.985.831.276	3.325.212.673.520
Châu Âu	2.750.376.809.270	715.849.045.093
Nhật Bản	1.083.821.501.305	1.991.492.964.961
Hàn Quốc	898.098.047.923	1.191.117.393.991
Khác	1.287.606.899.332	659.825.621.719
	<u>11.111.950.055.331</u>	<u>7.936.502.127.542</u>

(ii) Tài sản bộ phận

	Tổng tài sản	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Việt Nam	6.549.060.394.665	5.322.249.785.172
Bắc Mỹ	1.114.137.465.202	947.682.018.780
	<u>7.663.197.859.867</u>	<u>6.269.931.803.952</u>

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	28.095.352.945	14.508.151.434
Tiền gửi ngân hàng	30.756.966.542	16.976.967.073
Các khoản tương đương tiền	1.941.393.774.760	1.267.133.885.350
	<u>2.000.246.094.247</u>	<u>1.298.619.003.857</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

6. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu				
▪ Đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu	141.800	6.004.500.000	141.800	6.004.500.000
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng số 8	112.000	5.263.000.000	112.000	5.263.000.000
▪ Công ty Cổ phần cơ điện lạnh	8	80.000	8	80.000
▪ Công ty cổ phần công nghệ mới Kim Tự Tháp Việt Nam	18.823	272.941.176	-	-
▪ Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển	125.882	3.270.588.235	-	-
Đầu tư ngắn hạn khác				
▪ Các khoản cho vay (*)		7.306.508.578		7.746.276.778
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (**)		137.385.154.060		119.153.170.936
		<u>159.502.772.049</u>		<u>138.167.027.714</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn		(8.704.600.000)		(9.782.280.000)
		<u>150.798.172.049</u>		<u>128.384.747.714</u>

(*) Khoản này phản ánh khoản cho hộ nuôi tôm vay để hỗ trợ việc nuôi tôm. Các khoản này không được bảo đảm, không hưởng lãi và có thể thu được theo yêu cầu. Theo hợp đồng, hộ nuôi tôm cam kết sẽ bán toàn bộ số lượng tôm thu hoạch được cho Tập đoàn.

(**) Khoản này phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới một năm và hưởng lãi suất năm dao động từ 9,0% đến 11,0% trong năm (2012: từ 9,0% đến 13,2%).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	9.782.280.000	9.924.080.000
Chuyển sang từ dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh 15)	-	48.900.000.000
Sử dụng dự phòng trong năm	-	(46.220.000.000)
Hoàn nhập dự phòng	(1.077.680.000)	(2.821.800.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	8.704.600.000	9.782.280.000

7. Các khoản phải thu - ngắn hạn

Phải thu khách hàng phản ánh khoản phải thu bên thứ ba không được đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả trong vòng từ 15 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Trong phải thu khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có 424.451 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: Phải thu khách hàng và trả trước cho người bán lần lượt có 318.573 triệu VND và 651 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 18 và Thuyết minh 24).

Các khoản phải thu ngắn hạn khác gồm:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Lãi tiền gửi phải thu	13.803.000.406	4.430.530.163
Cho người lao động vay (*)	7.377.161.909	8.580.952.385
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế phải thu người lao động	1.001.639.549	5.786.178.618
Các khoản phải thu khác	19.710.656.359	9.477.397.120
	<hr/>	<hr/>
	41.892.458.223	28.275.058.286

(*) Khoản này thể hiện khoản tiền cho người lao động vay, không được đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả theo yêu cầu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

8. Hàng tồn kho

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	367.078.280.830	200.454.463.851
Nguyên vật liệu	104.484.305.999	88.350.011.869
Công cụ và dụng cụ	6.874.348.577	11.273.071.227
Sản phẩm dở dang	13.218.401.826	86.939.795.679
Thành phẩm	1.999.626.515.760	1.914.548.727.694
	<hr/>	<hr/>
	2.491.281.852.992	2.301.566.070.320
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(26.966.731.348)	(73.176.471.780)
	<hr/>	<hr/>
	2.464.315.121.644	2.228.389.598.540

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2013	2012
	VND	VND
Số dư đầu năm	73.176.471.780	53.753.010.514
Tăng dự phòng trong năm	26.933.131.264	28.644.508.821
Sử dụng dự phòng trong năm	(28.057.563.602)	-
Hoàn nhập	(45.160.007.830)	(9.221.047.555)
Chênh lệch tỷ giá	74.699.736	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	26.966.731.348	73.176.471.780

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 899.571 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.643.581 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 18 và Thuyết minh 24).

Trong thành phẩm tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 có 339.647 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 325.961 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

9. Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.032.490.638	8.728.722.749
Thuế thu nhập cá nhân	273.500	213.803.011
Các loại thuế khác	339.849.086	-
	<hr/>	<hr/>
	4.372.613.224	8.942.525.760

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

10. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tạm ứng (*)	53.778.375.794	51.808.029.928
Ký quỹ ngắn hạn	1.102.763.869	1.033.017.391
	<hr/>	<hr/>
	54.881.139.663	52.841.047.319

(*) Khoản này thể hiện khoản tạm ứng cho nhân viên để mua quyền sử dụng đất thay cho Tập đoàn.

11. Các khoản phải thu dài hạn

Theo Luật Chống bán phá giá của Hoa Kỳ, Công ty Cổ phần Mseafood (“Mseafood”), một công ty con phải nộp thuế chống bán phá giá theo quyết định thường niên của Bộ Thương mại Hoa Kỳ (“DOC”). Mỗi năm, Mseafood phải tạm nộp thuế chống bán phá giá theo mức thuế suất tạm tính do DOC qui định. Sau đó, thuế chống bán phá giá sẽ được quyết toán và thanh toán dựa theo quyết định hàng năm.

Các khoản phải thu dài hạn thuộc về Mseafood phản ánh khoản thuế chống bán phá giá tạm nộp. Chi tiết của các khoản phải thu này như sau:

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2008 đến ngày 30 tháng 9 năm 2008	24.892.980.849	41.136.174.776
Giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2010 đến ngày 30 tháng 9 năm 2011	24.886.161.414	45.704.942.372
Giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2011 đến ngày 30 tháng 9 năm 2012	13.626.616.883	21.898.246.780
Giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2012 đến ngày 30 tháng 9 năm 2013	12.416.210.014	3.750.018.916
	<hr/>	<hr/>
	75.821.969.160	112.489.382.844

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	585.742.501.892	954.196.241.173	119.412.621.682	17.561.986.115	1.676.913.350.862
Tăng trong năm	3.565.299.964	12.709.843.552	7.133.674.000	86.353.000	23.495.170.516
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	52.536.514.233	1.106.781.402	106.100.000	1.596.136.800	55.345.532.435
Xóa sổ	(10.270.720.549)	(947.553.450)	(5.430.978.562)	(55.935.000)	(16.705.187.561)
Phân loại lại ^(*)	(1.372.325.723)	(19.160.585.036)	(26.996.746)	(4.384.732.076)	(24.944.639.581)
Chênh lệch quy đổi tỷ giá	156.116.610	-	-	8.103.834	164.220.444
Số dư cuối năm	630.357.386.427	947.904.727.641	121.194.420.374	14.811.912.673	1.714.268.447.115
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	87.317.754.389	260.599.829.790	30.151.176.922	6.968.386.197	385.037.147.298
Khấu hao trong năm	43.069.211.121	91.622.379.914	16.003.771.718	1.845.407.121	152.540.769.874
Xóa sổ	(2.567.884.278)	(415.739.404)	(1.359.119.079)	(28.899.750)	(4.371.642.511)
Phân loại lại ^(*)	(813.052.715)	(7.080.852.068)	(245.040.643)	(2.416.488.022)	(10.555.433.448)
Chênh lệch quy đổi tỷ giá	24.320.739	-	-	7.532.385	31.853.124
Số dư cuối năm	127.030.349.256	344.725.618.232	44.550.788.918	6.375.937.931	522.682.694.337
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	498.424.747.503	693.596.411.383	89.261.444.760	10.593.599.918	1.291.876.203.564
Số dư cuối năm	503.327.037.171	603.179.109.409	76.643.631.456	8.435.974.742	1.191.585.752.778

(*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 16).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là VND93.313 million được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 73.055 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 784.816 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 882.552 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 18 và Thuyết minh 24).

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định VND	Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	17.689.478.796	84.195.741.995	2.371.532.291	104.256.753.082
Tăng trong năm	-	-	441.791.132	441.791.132
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	39.470.565.783	-	39.470.565.783
Xóa sổ	-	(38.485.207)	(74.204.593)	(112.689.800)
Phân loại lại ^(*)	-	-	(441.585.000)	(441.585.000)
Chênh lệch quy đổi tỷ giá	184.641.474	-	-	184.641.474
Số dư cuối năm	17.874.120.270	123.627.822.571	2.297.533.830	143.799.476.671
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	4.243.103.946	989.214.428	5.232.318.374
Khấu hao trong năm	-	1.793.670.515	315.531.575	2.109.202.090
Xóa sổ	-	(38.485.207)	(74.204.593)	(112.689.800)
Phân loại lại ^(*)	-	-	(86.911.875)	(86.911.875)
Số dư cuối năm	-	5.998.289.254	1.143.629.535	7.141.918.789
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	17.689.478.796	79.952.638.049	1.382.317.863	99.024.434.708
Số dư cuối năm	17.874.120.270	117.629.533.317	1.153.904.295	136.657.557.882

(*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 16).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 2.177 triệu VND đã được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 2.205 triệu VND), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 64.219 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 72.261 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 18 và Thuyết minh 24).

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	254.750.170.757	268.310.020.664
Tăng trong năm	70.894.700.064	111.771.269.232
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(55.345.532.435)	(81.985.530.536)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(39.470.565.783)	(43.345.588.603)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(97.850.000)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	230.730.922.603	254.750.170.757

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 21.038 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 245.996 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 18 và Thuyết minh 24).

15. Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Đầu tư vào công ty liên kết		
▪ Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang	2.180.000.000	2.180.000.000
Đầu tư dài hạn khác		
▪ Công ty Cổ phần Hạ tầng Sài Gòn – Cà Mau	7.000.000.000	7.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	9.180.000.000	9.180.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(111.246.470)
	<hr/>	<hr/>
	9.180.000.000	9.068.753.530

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	111.246.470	49.011.246.470
Hoàn nhập	(111.246.470)	-
Chuyển sang dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn (Thuyết minh 6)	-	(48.900.000.000)
Số dư cuối năm	-	111.246.470

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	% vốn sở hữu	
			31/12/2013	31/12/2012
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Cảng Minh Phú Hậu Giang	Xây dựng cảng container và cảng vận chuyên hàng hóa, nhà kho, cảng biển xăng, khí đốt và dầu; kinh doanh xăng, dầu, khí đốt, nguyên vật liệu và máy móc phục vụ sản xuất.	6300108975 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp ngày 24 tháng 2 năm 2010.	40%	40%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí trước hoạt động VND	Chi phí đất trả trước VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	1.508.797.072	58.746.352.214	14.281.839.966	16.520.023.845	91.057.013.097
Tăng trong năm	-	-	-	14.741.402.198	14.741.402.198
Phân loại lại từ tài sản cố định ^(*)	-	-	-	14.743.879.258	14.743.879.258
Phân loại lại từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	97.850.000	97.850.000
Phân loại lại từ tài sản ngắn hạn khác	-	-	-	(480.328.526)	(480.328.526)
Phân bổ trong năm	(431.084.880)	(3.352.944.762)	(4.080.525.708)	(15.770.531.540)	(23.635.086.890)
Số dư cuối năm	1.077.712.192	55.393.407.452	10.201.314.258	29.852.295.235	96.524.729.137

(*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là tài sản cố định hữu hình và vô hình trong năm (Thuyết minh 12 và Thuyết minh 13). Giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính còn lại nhưng không quá ba năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi số 7.277 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: không) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 18).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

17. Lợi thế thương mại

	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	30.888.957.000
Phân bổ lũy kế	
Số dư đầu năm	14.157.438.814
Phân bổ trong năm	3.088.895.700
Số dư cuối năm	17.246.334.514
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	16.731.518.186
Số dư cuối năm	13.642.622.486

18. Vay ngắn hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay ngắn hạn	4.715.626.675.338	3.148.072.571.964
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 24)	-	100.986.300.000
Trái phiếu phải trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 24)	-	200.000.000.000
	4.715.626.675.338	3.449.058.871.964

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau				
Khoản vay 1	VND	6,5%	350.295.288.267	-
Khoản vay 2	USD	2,8%	105.742.923.868	-
Khoản vay 3	USD	3,5%	-	85.435.800.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau				
Khoản vay 4	VND	6,5% - 7,0%	1.316.490.920.363	279.402.989.338
Khoản vay 5	VND	6,5%	573.210.536.543	13.236.370.767
Khoản vay 6	VND	6,5%	61.565.789.783	-
Khoản vay 7	USD	2,8%	857.580.903.298	1.499.401.930.600
Khoản vay 8	USD	3,5%	-	100.522.762.056
Khoản vay 9	USD	3,5% - 4,0%	-	44.499.507.324
Khoản vay 10	USD	2,8%	903.886.548.531	729.172.943.474
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau				
Khoản vay 11	VND	6,5%	251.303.572.295	-
Khoản vay 12	USD	2,7%	48.850.334.350	213.856.890.180
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)				
Khoản vay 13	VND	6,0%	57.186.434.252	-
Khoản vay 14	USD	2,5%	111.533.287.940	99.231.378.225
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam				
Khoản vay 15	VND	6,5%	77.980.135.848	-
Comerica Bank (U.S.A.)				
Khoản vay 16	USD	3,3%	-	83.312.000.000
			4.715.626.675.338	3.148.072.571.964

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Các khoản vay ngân hàng được bảo đảm bằng các tài sản của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền (Thuyết minh 5)	-	4.138.969.282
Phải thu khách hàng (Thuyết minh 7)	424.450.633.770	318.572.661.364
Hàng tồn kho (Thuyết minh 8)	899.571.113.388	1.555.685.951.209
Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 12)	784.815.617.349	5.807.736.260
Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 13)	64.218.635.307	3.205.264.572
Xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	21.037.811.050	-
Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 15)	7.277.435.066	-
	<u>2.201.371.245.930</u>	<u>1.887.410.582.687</u>

19. Phải trả người bán

Phải trả người bán phản ánh khoản phải trả cho bên thứ ba không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

20. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	78.557.528	47.273.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.252.558.072	17.318.452.460
Thuế thu nhập cá nhân	1.558.501.925	1.061.148.212
Các loại thuế khác	-	20.033.700
	<u>16.889.617.525</u>	<u>18.446.907.372</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

21. Chi phí phải trả

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Dịch vụ thuê ngoài phải trả	1.331.065.662	27.395.296.114
Thuế chống bán phá giá phải trả cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2008 đến ngày 31 tháng 1 năm 2009	40.748.421.900	54.676.624.200
Thuế chống bán phá giá phải trả cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2009 đến ngày 31 tháng 1 năm 2010	7.429.558.950	15.926.609.244
Thuế chống bán phá giá phải trả cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2010 đến ngày 31 tháng 1 năm 2011	7.606.925.170	7.486.103.900
Thuế chống bán phá giá phải trả cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2012 đến ngày 31 tháng 1 năm 2013	38.812.259.923	-
Thuế chống bán phá giá phải trả cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013	7.838.921.178	-
	<hr/>	<hr/>
	103.767.152.783	105.484.633.458
	<hr/>	<hr/>

Thuế chống bán phá giá phải trả tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 chưa được quyết toán. Ban Tổng Giám đốc tin rằng thuế chống phá giá cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ nhất quán với tỷ lệ quyết toán cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2011 đến ngày 31 tháng 1 năm 2012 là 0%. Khoản thuế phải trả do Tập đoàn ước tính có thể thay đổi theo số thuế thực phải trả được quyết định bởi cơ quan có thẩm quyền nước ngoài.

22. Các khoản phải trả khác

	31/12/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền nhận ký quỹ ngắn hạn	8.000.000.000	11.000.000.000
Cổ tức phải trả	6.727.187.750	175.000.000.000
Tiền thuê đất phải trả	4.513.839.116	4.779.359.064
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	1.919.265.435	921.651.909
Hoa hồng phải trả	392.098.154	392.099.083
Lãi vay phải trả	-	16.594.132.719
Phải trả khác	1.439.449.253	2.683.010.497
	<hr/>	<hr/>
	22.991.839.708	211.370.253.272
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

23. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được lập bằng cách trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của các cổ đông tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn. Quỹ này được dùng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn theo chính sách thưởng và phúc lợi của Tập đoàn và phí Hội đồng Quản trị theo quyết định của các cổ đông trong cuộc họp đại hội đồng cổ đông thường niên của Tập đoàn.

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	2013 VND
Số dư đầu năm	89.416.584.032
Sử dụng quỹ	(14.840.554.992)
Số dư cuối năm	<u>74.576.029.040</u>

24. Vay dài hạn

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay dài hạn	-	429.619.180.684
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn không chuyển đổi	-	700.000.000.000
	<u>-</u>	<u>1.129.619.180.684</u>
Phải trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 18)	-	(300.986.300.000)
Phải trả sau 12 tháng	-	828.632.880.684

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản của Tập đoàn như sau:

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền (Thuyết minh 5)	-	433.075.880
Trả trước cho người bán (Thuyết minh 7)	-	651.006.121
Hàng tồn kho (Thuyết minh 8)	-	87.894.595.781
Tài sản ngắn hạn khác (Thuyết minh 10)	-	51.037.496.700
Tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 12)	-	876.743.968.576
Tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 13)	-	69.055.991.092
Xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	-	245.996.061.173
		<hr/>
	-	1.331.812.195.323
		<hr/> <hr/>

25. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	2013 VND
Số dư đầu năm	3.656.891.489
Tăng dự phòng trong năm	23.622.775
Sử dụng dự phòng trong năm	(320.851.159)
	<hr/>
Số dư cuối năm	3.359.663.105
	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

26. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	700.000.000.000	177.876.869.236	-	-	88.506.239.451	41.298.066.764	-	531.210.227.608	1.538.891.403.059
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	16.839.844.522	16.839.844.522
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	-	36.092.071.956	13.769.908.805	(49.861.980.761)	-
Cổ tức (Thuyết minh 35)	-	-	-	-	-	-	-	(175.000.000.000)	(175.000.000.000)
Chuyển sang quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(51.761.636.902)	(51.761.636.902)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	(18.919.140.199)	-	-	(18.919.140.199)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	700.000.000.000	177.876.869.236	-	-	88.506.239.451	58.470.998.521	13.769.908.805	271.426.454.467	1.310.050.470.480
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	270.138.142.612	270.138.142.612
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	(18.537.405.861)	-	-	-	-	(18.537.405.861)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	(26.047.830.913)	-	-	(26.047.830.913)
Chênh lệch quy đổi tỷ giá	-	-	-	-	5.167.828.182	-	-	-	5.167.828.182
Thặng dư vốn cổ phần phát sinh từ cổ phiếu phát hành cho cổ đông thiểu số	-	-	79.806.684.935	-	-	-	-	-	79.806.684.935
Phân bổ vào cổ phần của cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	-	(36.232.287.004)	(36.232.287.004)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	700.000.000.000	177.876.869.236	79.806.684.935	(18.537.405.861)	93.674.067.633	32.423.167.608	13.769.908.805	505.332.310.075	1.584.345.602.431

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

27. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(630.560)	(18.537.405.861)	-	-
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	69.369.440	681.462.594.139	70.000.000	700.000.000.000

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2013		2012	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	70.000.000	700.000.000.000	70.000.000	700.000.000.000
Cổ phiếu quỹ mua trong năm	(630.560)	(18.537.405.861)	-	-
Số dư cuối năm	69.369.440	681.462.594.139	70.000.000	700.000.000.000

Theo biên bản họp Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú số 12/HDQT.MPC.12, ngày 27 tháng 12 năm 2012, Hội đồng Quản trị quyết định mua 1.000.000 cổ phiếu quỹ trên thị trường chứng khoán với giá trị trường. Số lượng cổ phiếu quỹ đã được mua từ ngày 10 tháng 4 năm 2013 đến ngày 9 tháng 5 năm 2013.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

28. Lợi ích cổ đông thiểu số

	2013 VND	2012 VND
Số dư đầu năm	70.732.722.803	78.722.005.772
Đầu tư thêm trong năm	305.092.110.895	-
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông thiểu số trong năm	23.696.346.513	(961.777.658)
Phân bổ lợi nhuận chưa phân phối do thay đổi phần trăm lợi ích kinh tế	36.232.287.004	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do qui đổi báo cáo tài chính của đơn vị ở nước ngoài tính cho cổ đông thiểu số	574.203.130	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi tính cho cổ đông thiểu số	-	(933.207.732)
Cổ tức	-	(6.094.297.579)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	436.327.670.345	70.732.722.803

29. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán đã cung cấp được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2013 VND	2012 VND
Tổng doanh thu		
▪ Thành phẩm đã bán	10.381.139.096.606	7.931.607.515.820
▪ Hàng hóa đã bán	804.478.773.505	-
▪ Phế liệu đã bán	18.584.133.640	32.665.364.042
▪ Khác	2.228.456.671	1.394.026.100
	<hr/>	<hr/>
	11.206.430.460.422	7.965.666.905.962
Các khoản giảm trừ		
▪ Giảm giá hàng bán	(584.201.733)	-
▪ Hàng bán bị trả lại	(93.896.203.358)	(29.164.778.420)
	<hr/>	<hr/>
	(94.480.405.091)	(29.164.778.420)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	11.111.950.055.331	7.936.502.127.542

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

30. Giá vốn hàng bán

	2013 VND	2012 VND
Thành phẩm đã bán	9.225.544.219.856	7.030.855.092.577
Hàng hóa đã bán	774.741.018.832	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(46.209.740.432)	19.423.461.266
Khác	1.553.185.030	107.882.549
	<hr/> 9.955.628.683.286	<hr/> 7.050.386.436.392

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	2013 VND	2012 VND
Thu nhập lãi tiền gửi	91.564.719.319	50.333.601.356
Cổ tức	-	19.720.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	16.242.050.121	9.160.578.818
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.482.194.356	3.346.738.327
Thu từ bán các khoản đầu tư	371.824.000	-
Khác	97.680.843	-
	<hr/> 113.758.468.639	<hr/> 62.860.638.501

32. Chi phí tài chính

	2013 VND	2012 VND
Chi phí lãi vay	249.916.093.514	412.791.349.076
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	46.789.797.832	5.483.365.933
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	24.080.847	139.620.019
Lỗ từ kinh doanh chứng khoán	263.588.000	3.758.527.264
Dự phòng giảm giá đầu tư	-	(2.821.800.000)
Khác	8.528.141.837	-
	<hr/> 305.521.702.030	<hr/> 419.351.062.292

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Tài sản/(nợ) thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản/(nợ) thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trên các khoản mục sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ	10.190.585.630	2.841.171.279
Các khoản dự phòng	1.506.628.278	515.257.341
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	209.560.767	-
Lỗi tính thuế mang sang	-	2.963.265.883
	<hr/> 11.906.774.675	<hr/> 6.319.694.503
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính vào các công ty con	(22.068.981.770)	-
	<hr/> (10.162.207.095)	<hr/> 6.319.694.503

(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2013 VND	2012 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	47.355.566.123	14.418.626.296
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	8.083.783.699	(5.117.151.928)
	<hr/> 55.439.349.822	<hr/> 9.301.474.368
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	16.481.901.598	9.271.494.216
	<hr/> 71.921.251.420	<hr/> 18.572.968.584

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	365.755.740.545	34.451.035.448
Thuế theo thuế suất của Công ty	91.438.935.136	8.612.758.862
Chi phí không được khấu trừ thuế	157.773.310	4.054.694
Thu nhập không chịu thuế	-	(4.930.000)
Ưu đãi thuế	(41.392.769.591)	(9.877.996.025)
Chênh lệch thuế suất áp dụng cho tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	19.049.054.031
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	16.931.234.823	7.889.492.181
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác nhau áp dụng cho công ty con	(3.297.705.957)	(1.982.313.231)
Dự phòng thiếu/(thừa) trong những năm trước	8.083.783.699	(5.117.151.928)
Chi phí thuế thu nhập	71.921.251.420	18.572.968.584

(d) Thuế suất áp dụng

Công ty

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã thông qua Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

Các Công ty con

Công ty Cổ phần Mseafood (“Mseafood”)

Theo các điều khoản của luật thuế Hoa Kỳ, Mseafood có nghĩa vụ nộp hai loại thuế thu nhập doanh nghiệp sau:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho tiểu bang: theo thuế suất 8,84% trên lợi nhuận chịu thuế. Trong trường hợp lỗ, Mseafood vẫn phải trả khoản tiền thuế tối thiểu là 800 Đô la Mỹ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho cục thuế liên bang: theo mức thuế cao hơn giữa lợi nhuận tính thuế nhân với thuế suất lũy tiến hoặc 20% của lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang (“Minh Phú - Hậu Giang”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú - Hậu Giang có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2011 đến năm 2026 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Phú - Hậu Giang cũng cho phép công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2012 đến năm 2015 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2016 đến năm 2024. Tất cả các ưu đãi thuế trên không áp dụng cho các thu nhập khác, thu nhập này chịu thuế suất 25%.

Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Quý (“Minh Quý”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Quý có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2003 đến năm 2012 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Quý cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2003 đến năm 2004 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2005 đến năm 2009.

Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Phát (“Minh Phát”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đầu tư, Minh Phát có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2006 đến năm 2015 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Minh Phát cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2006 đến năm 2007 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2008 đến năm 2012.

Công ty TNHH Thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang (“Minh Phú - Kiên Giang”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú – Kiên Giang có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2006 đến năm 2020 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Minh Phú - Kiên Giang cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2007 đến năm 2009 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2010 đến năm 2018.

Công ty TNHH Sản xuất giống Thủy sản Minh Phú (“Giống Thủy sản Minh Phú”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đầu tư, Giống Thủy sản Minh Phú có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2006 đến năm 2020 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Giống Thủy sản Minh Phú cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2009 đến năm 2012 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2013 đến năm 2019.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Công ty TNHH Nuôi trồng Thủy sản Minh Phú - Lộc An (“Minh Phú - Lộc An”)

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Minh Phú - Lộc An có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư cũng cho phép Minh Phú - Lộc An được miễn thuế thu nhập trong một năm đầu kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và giảm 50% cho bốn năm tiếp theo. Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Minh Phú - Lộc An không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Minh Phú - Lộc An có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không. Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 25%.

Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm Sinh học Minh Phú (“Minh Phú Sinh học”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đầu tư, Minh Phú Sinh học có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2009 đến năm 2023 và 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Minh Phú Sinh học cũng cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2009 đến năm 2012 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2013 đến năm 2021.

Công ty TNHH một thành viên nuôi tôm sinh thái Minh Phú (“Tôm sinh thái Minh Phú”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Tôm sinh thái Minh Phú có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2010 đến năm 2024 và được giảm 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Tôm sinh thái Minh Phú cho phép công ty được miễn thuế từ năm 2012 đến năm 2015 và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2016 đến năm 2024. Trong năm, Tôm sinh thái Minh Phú đã được giải thể.

Công ty TNHH một thành viên nuôi trồng thủy sản Minh Phú Hòa Điền (“Minh Phú Hòa Điền”)

Theo các điều khoản của Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Minh Phú Hòa Điền có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận chịu thuế từ năm 2012 đến năm 2026 và được giảm 25% cho những năm sau đó. Các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Minh Phú Hòa Điền cũng cho phép công ty được miễn thuế thu nhập trong bốn năm kể từ năm đầu tiên công ty có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong chín năm tiếp theo. Các qui định về thuế thu nhập doanh nghiệp cũng xác định rõ rằng nếu Minh Phú Hòa Điền không có lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tục kể từ năm đầu tiên có doanh thu, thời gian miễn thuế sẽ được tính từ năm thứ tư ngay cả khi Minh Phú Hòa Điền có lợi nhuận chịu thuế hay không.

Tất cả các ưu đãi thuế trên không áp dụng cho các thu nhập khác, thu nhập này chịu thuế suất 25%.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 dựa trên lợi nhuận thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, được tính như sau:

(i) *Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông*

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận thuần thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	270.138.142.612	16.839.844.522

(ii) *Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành*

	2013	2012
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	70.000.000	70.000.000
Ảnh hưởng của mua cổ phiếu quỹ vào tháng 4 năm 2013	(305.087)	-
Ảnh hưởng của mua cổ phiếu quỹ vào tháng 5 năm 2013	(100.876)	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tại thời điểm đầu năm và cuối năm	69.594.037	70.000.000

35. Cổ tức

Trong năm, Công ty không phân phối cổ tức (2012: 175.000 VND mỗi cổ phiếu).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

36. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro tài chính mà Tập đoàn gặp phải do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản
- rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc cũng có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng không năm hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền	(ii)	1.972.150.741.302	1.284.110.852.423
Tiền gửi có kỳ hạn	(ii)	137.385.154.060	119.153.170.936
Các khoản cho vay	(iii)	7.306.508.578	7.746.276.778
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iv)	955.939.260.454	553.915.215.641
		3.072.781.664.394	1.964.925.515.778

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn

Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(iii) Khoản cho hộ nuôi tôm vay

Khoản cho hộ nuôi tôm vay để hỗ trợ việc nuôi tôm không được bảo đảm, không chịu lãi và được hoàn trả theo yêu cầu. Theo hợp đồng, hộ nuôi tôm cam kết sẽ bán toàn bộ số lượng tôm thu hoạch được cho Tập đoàn. Ban Tổng giám đốc đánh giá rằng Tập đoàn có thể thu hồi khoản vay này bằng việc thu mua tôm thu hoạch được trong tương lai.

(iv) Phải thu khách hàng và phải thu khác

Tình trạng rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến các khoản phải thu chủ yếu bị ảnh hưởng bởi các đặc điểm riêng của từng khách hàng. Để kiểm soát các rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thiết lập chính sách tín dụng bằng cách mỗi khách hàng mới đều được phân tích riêng biệt về khả năng tín dụng trước khi đề xuất các điều khoản và điều kiện hợp đồng liên quan đến thanh toán và bàn giao hàng hóa. Ngoài ra, Tập đoàn còn yêu cầu đảm bảo của khách hàng cho mỗi đơn đặt hàng, thông thường dưới hình thức trả trước hoặc mở tín dụng thư. Các khoản phải thu được yêu cầu thanh toán trong vòng 15 đến 60 ngày kể từ ngày phát hành hóa đơn. Khách hàng có số dư nợ trên 60 ngày sẽ được yêu cầu thanh toán trước khi được phép mua thêm.

Dựa trên các tỷ lệ nợ xấu trước đây, Tập đoàn tin rằng, ngoài số dự phòng đã lập, Tập đoàn không cần lập bổ sung dự phòng phải thu khó cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Bảng phân tích tuổi nợ các khoản phải thu như sau:

	Tổng phải thu gộp 31/12/2013 VND	Dự phòng phải thu khó đòi 31/12/2013 VND
Trong hạn	944.481.536.204	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	7.050.777.613	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	1.868.804.970	-
Quá hạn trên 180 ngày	7.448.036.553	(4.909.894.886)
	960.849.155.340	(4.909.894.886)

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

	Tổng phải thu gộp 31/12/2012 VND	Dự phòng phải thu khó đòi 31/12/2012 VND
Trong hạn	520.745.574.895	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	28.807.221.113	-
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	1.963.911.085	-
Quá hạn trên 180 ngày	11.480.593.872	(9.082.085.324)
	<hr/> 562.997.300.965	<hr/> (9.082.085.324) <hr/>

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Số dư đầu năm	9.082.085.324	13.418.670.092
Hoàn nhập	(4.172.190.438)	(4.336.584.768)
	<hr/> 4.909.894.886	<hr/> 9.082.085.324 <hr/>

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 – 5 năm VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013					
Vay ngắn hạn	4.715.626.675.338	4.785.722.092.944	4.785.722.092.944	-	-
Phải trả người bán	532.434.499.874	532.434.499.874	532.434.499.874	-	-
Phải trả người lao động	108.358.151.736	108.358.151.736	108.358.151.736	-	-
Chi phí phải trả	103.767.152.783	103.767.152.783	103.767.152.783	-	-
Các khoản phải trả khác	22.991.839.708	22.991.839.708	22.991.839.708	-	-
	5.483.178.319.439	5.553.273.737.045	5.553.273.737.045	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012					
Vay ngắn hạn	3.148.072.571.964	3.182.138.435.132	3.182.138.435.132	-	-
Phải trả người bán	135.868.027.758	135.868.027.758	135.868.027.758	-	-
Phải trả người lao động	38.688.257.921	38.688.257.921	38.688.257.921	-	-
Chi phí phải trả	105.484.633.458	105.484.633.458	105.484.633.458	-	-
Các khoản phải trả khác	211.370.253.272	211.370.253.272	211.370.253.272	-	-
Vay dài hạn	429.619.180.684	538.124.155.764	119.364.208.967	133.861.744.909	284.898.201.888
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn không chuyển đổi	700.000.000.000	815.188.888.889	297.688.888.889	517.500.000.000	-
	4.769.102.925.057	5.026.862.652.194	4.090.602.705.397	651.361.744.909	284.898.201.888

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro hối đoái

Tập đoàn chịu rủi ro hối đoái đối với các giao dịch bán hàng và đi vay bằng đơn vị tiền tệ khác VND.

Ảnh hưởng của rủi ro hối đoái

Tập đoàn có các khoản (nợ phải trả)/tài sản thuần bằng ngoại tệ như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2013		Ngày 31 tháng 12 năm 2012	
	USD	JPY	USD	JPY
Tiền và các khoản tương đương tiền	264.234	28.304.539	664.110	-
Phải thu khách hàng	46.433.421	46.873.726	15.856.451	-
Các tài sản tiền tệ khác	-	-	525.195	-
Phải trả người bán	(10.708.114)	-	(235.657)	-
Vay ngắn hạn	(96.048.981)	-	(133.166.795)	-
Vay dài hạn	-	-	(9.447.014)	-
Nợ phải trả tiền tệ khác	-	-	(1.135.862)	-
	(60.059.440)	75.178.265	(126.939.572)	-

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
1 USD	21.110	20.815
1 JPY	200	247

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần	
	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
USD (mạnh thêm 1%)	(11.186.631.754)	(22.112.702.630)
JPY (yếu đi 19%)	(2.142.580.553)	-

Biến động ngược lại của tỉ giá trên có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Rủi ro lãi suất

Tại ngày báo cáo các công cụ tài chính chịu lãi suất của tập đoàn như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản tương đương tiền	1.941.393.774.760	1.267.133.885.350
Tiền gửi có kỳ hạn	137.385.154.060	119.153.170.936
	2.078.778.928.820	1.386.287.056.286
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng	30.756.966.542	16.976.967.073
Vay ngắn hạn	(4.715.626.675.338)	(3.148.072.571.964)
Vay dài hạn	-	(429.619.180.684)
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn không chuyển đổi	-	(700.000.000.000)
	(4.684.869.708.796)	(4.260.714.785.575)

Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi khiến Công ty chịu rủi ro thay đổi lãi suất. Công ty không có chính sách hạn chế rủi ro tiềm tàng của việc biến động lãi suất. Nếu lãi suất thị trường tăng 100 điểm lợi nhuận thuần Tập đoàn sẽ giảm 35.137 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 13.444 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
• Tiền và các khoản tương đương tiền	1.972.150.741.302	1.972.150.741.302	1.284.110.852.423	1.284.110.852.423
• Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	955.939.260.454	(*)	553.915.215.641	(*)
• Các tài sản tài chính khác	144.691.662.638	(*)	126.899.447.714	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
• Các khoản đầu tư ngắn hạn	14.811.109.411	6.167.888.170	11.267.580.000	945.876.000
• Các khoản đầu tư dài hạn	9.180.000.000	(*)	9.068.753.530	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
• Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	(555.426.339.582)	(*)	(347.238.281.030)	(*)
• Các khoản vay	(4.715.626.675.338)	(*)	(4.277.691.752.648)	(*)
	(2.174.280.241.115)		(2.639.668.184.370)	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn chủ sở hữu và chứng khoán nợ

Giá trị hợp lý của chứng khoán vốn chủ sở hữu và chứng khoán nợ được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Xác định các bên liên quan

Tập đoàn có mối liên hệ với các bên liên quan bao gồm công ty liên kết, các cổ đông, giám đốc, nhân viên điều hành và các đơn vị được sở hữu bởi các cổ đông chính.

Giao dịch với các công ty liên quan

Ngoài số dư với các công ty liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các công ty liên quan như sau:

	2013 VND	2012 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Long Phụng		
Thuê văn phòng	2.736.438.921	1.024.601.700

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt

Lương thưởng và trợ cấp trả cho các nhân sự chủ chốt như sau:

	2013 VND	2012 VND
Lương thưởng và trợ cấp	12.404.200.342	11.644.096.372

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

38. Cam kết

(a) Mua sắm tài sản

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tập đoàn có các cam kết mua sắm tài sản đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	110.669.424.766	111.279.648.241

(b) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	3.654.900.511	2.035.707.000
Từ hai đến năm năm	7.993.190.322	1.577.672.925
	11.648.090.833	3.613.379.925

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
(tiếp theo)

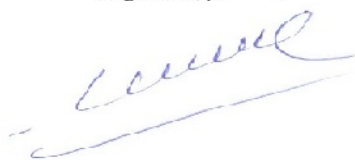
Mẫu B 09 – DN/HN

39. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2013 VND	2012 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	8.827.450.058.960	6.247.223.637.445
Chi phí nhân công	700.883.681.756	540.586.407.933
Chi phí khấu hao và phân bổ	157.738.867.664	151.886.043.097
Chi phí dịch vụ mua ngoài	462.063.370.689	346.503.691.558
Chi phí khác	409.421.067.805	243.511.071.165

Ngày 7 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc